

Bản án số: 558/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Sáu;

2/ Bà Đào Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1418/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2018/QĐHPT- ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 447/44 đường NVC, Phường, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số 133 đường T, Phường, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh Q, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 447/44 đường NVC, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Trần Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh Q tự nguyện kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 1998 bà bỏ về nhà gia đình mẹ nuôi sống, vợ chồng tự làm hòa và dọn ra ngoài thuê nhà sống riêng nhưng hiện nay bà đã dọn ra ngoài thuê nhà riêng để ở cùng với con. Theo lời trình bày của bà T thì ông Q thường nhậu nhẹt,

không chăm lo cho vợ con đầy đủ vật chất, tiền bạc. Trong gia đình thì tiền của người nào, người đó sử dụng. Ông Q lâu lâu phụ tiền mua đồ đạc hoặc đóng tiền học cho con. Mọi sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình đều do bà chăm lo. Bà cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả, đồng thời quá trình chung sống cả hai luôn bất đồng quan điểm và luôn cãi nhau, không ai chịu nhường ai. Do đó bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không có tiếng nói chung và không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung

1/ Trần Hồng Minh Nhật, sinh ngày 16/12/1997 đã thành niên tùy ở với cha hoặc mẹ.

2/ Trần Hồng Thanh Vy, sinh ngày 21/8/2002.

Bà T đồng ý giao trẻ Thanh Vy cho ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có.

Bị đơn ông Trần Minh Q vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/11/2017 trình bày như sau:

Ông và bà T tự nguyện kết hôn năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và bà T đều xuất thân từ hoàn cảnh khó khăn, gắn kết lại với nhau. Trước đây ông làm nghề sửa xe gắn máy. Sau này chủ nhà lấy lại mặt bằng nên ông chuyển sang nghề cơ khí, do công việc làm ăn thất bại nên ông không lo được đầy đủ kinh tế cho vợ con, thu nhập cũng không ổn định nên ông có tiền ít thì đưa cho vợ ít, những lúc buồn ông thỉnh thoảng có nhậu. Ông Q thừa nhận, giữa ông và bà T không có tiếng nói chung và không tôn trọng nhau nên vợ chồng thường bất đồng và to tiếng cãi vã nhưng ông nghĩ vợ chồng thì phải luôn cố gắng hàn gắn tình cảm, để cùng nhau nuôi dạy con cái. Ông không muốn đánh mất gia đình, không muốn con cái phải thiếu vắng cha hoặc mẹ, ông mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung

1/ Trần Hồng Minh Nhật, sinh ngày 16/12/1997 đã thành niên tùy ở với cha hoặc mẹ.

2/ Trần Hồng Thanh Vy, sinh ngày 21/8/2002.

Trường hợp bà T kiên quyết xin ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Thanh Vy cho đến khi trẻ Thanh Vy đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q trình bày không có.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ ông Trần Minh Q lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T ly hôn ông Trần Minh Q.

- Về con chung: Về con chung: Có 02 con chung

1/ Trần Hồng Minh Nhật, sinh ngày 16/12/1997 đã thành niên tùy ở với cha hoặc mẹ ;

2/ Trần Hồng Thanh Vy, sinh ngày 21/8/2002.

Bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Thanh Vy cho đến khi trẻ Thanh Vy đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh Q, do ông Q cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ Điểm b

Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số I/96 ngày 30/11/1996 của Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thanh T và ông Trần Minh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy trước khi kết hôn bà T và ông Q đã có thời gian tìm hiểu nhau, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Q không lo được đầy đủ kinh tế cho vợ con, thu nhập cũng không ổn định. Vợ chồng không có tiếng nói chung và không tôn trọng nhau, đồng thời bà và ông Q đã ly thân và không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa bà T khẳng định tình cảm vợ chồng khó hòa hợp nên không thể sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Hội liên hiệp phụ nữ Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác nhận mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, ông, bà đã ly thân và không còn chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy là vợ chồng thì phải có sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Xét tình trạng hôn nhân hiện nay của bà T và ông Q có mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống gia đình không có sự vun đắp, không cùng chia sẻ tình cảm và trách nhiệm, vợ chồng không tôn trọng nhau và không có hạnh phúc, bà T xác nhận không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu đoàn tụ của ông Q là không thuyết phục, trong thời gian chung sống hơn 10 năm ông thừa nhận là có mâu thuẫn nhưng ông không có biện pháp cụ thể nào để hội đồng xét xử xem xét, mà ông chỉ nêu lý do là ông không muốn đánh mất gia đình, không muốn con cái phải thiếu vắng cha hoặc mẹ và ông luôn cố gắng được đoàn tụ nhưng bà T vẫn không có thiện chí, đồng thời cả hai đã ly thân và không còn chung sống với nhau. Vì vậy yêu cầu đoàn tụ gia đình của ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Về con chung: Có 02 con chung

1/ Trần Hồng Minh Nhật, sinh ngày 16/12/1997 đã thành niên tùy ở với cha hoặc mẹ ;

2/ Trần Hồng Thanh Vy, sinh ngày 21/8/2002.

Xét lời trình bày của bà T và ông Q tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017 thì ông, bà cùng thỏa thuận giao trẻ Thanh Vy cho ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ Thanh Vy đủ 18 tuổi, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại bản tự khai của trẻ Thanh Vy thì trẻ có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời theo bà T trình bày từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì trẻ Vy đều sống cùng với bà. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao trẻ Thanh Vy cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ Thanh Vy đủ 18 tuổi để thuận tiện cho việc học tập.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

- Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T ly hôn ông Trần Minh Q.

- Về con chung: Về con chung: Có 02 con chung

1/ Trần Hồng Minh Nhật, sinh ngày 16/12/1997 đã thành niên tùy ở với cha hoặc mẹ ;

2/ Trần Hồng Thanh Vy, sinh ngày 21/8/2002.

Giao Trần Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Trần Hồng Thanh Vy, sinh ngày 21/8/2002 cho đến khi trẻ Thanh Vy đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của ông Q và bà T đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thanh T phải chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0027714 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4/ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyển số I ngày 30/11/1996);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Chinh